

Bản án số: 03/2026/HC-PT

Ngày: 28 - 7 - 2026

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Vân;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hương Giang và ông Phạm Duy Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 03/2026/TLPT-HC ngày 05/6/2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2026/QĐXXPT-HC ngày 29/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 10/2026/QĐPT-HC ngày 16/7/2026 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Lê Thị S – sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ A, khu P, phường Y tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung K; Địa chỉ: Thôn B, phường T, thành phố T (nay là tổ dân phố T, phường L) thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Khu D, phường Y, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức A – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị S trình bày:

Từ năm 1988 chồng tôi là Đinh Văn H cùng gia đình sử dụng thửa đất số 11 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 14. Tại thời điểm bắt đầu sử dụng, gia đình tôi có xây dựng nhà ở cấp 4, xây dựng chuồng trại chăn nuôi, đào ao thả cá.

Năm 1994, sau khi kết hôn với chồng là anh Đinh Văn H thì bố mẹ chồng tôi đã cho vợ chồng tôi thửa đất trên để ở và làm kinh tế theo mô hình VAC. Quá trình

sử dụng gia đình tôi không có tranh chấp với bất kỳ ai. Cả gia đình tôi đã sinh sống ổn định và đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thửa đất này.

Ngày 02/3/2022 UBND thành phố U ban hành Quyết định số 1202/QĐ-UBND về việc thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1) và Quyết định số 1203/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1).

Ngày 28/6/2024 UBND thành phố U kiểm đếm bổ sung thêm hạng mục giếng khoan; Ngày 30/7/2024 UBND thành phố U ban hành Quyết định số 4032/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án (bổ sung) bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1).

Gia đình tôi đã nhiều lần có ý kiến với UBND thành phố U về việc xác định loại đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình tôi và gia đình con trai tôi, xem xét hỗ trợ bồi thường 100% đối với công trình được tạo dựng hợp pháp của gia đình.

Ngày 10/3/2025, thực hiện công văn số 16/UBND-TD ngày 05/3/2025 của UBND thành phố U về việc xử lý đơn của bà Lê Thị S, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U ban hành Công văn số 78/PTQĐ về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị S.

Ngày 13/3/2025, thực hiện công văn số 16/UBND-TD ngày 05/3/2025 của UBND thành phố U về việc giao UBND phường P xem xét lại việc xét duyệt nguồn gốc đất của gia đình bà Lê Thị S, địa chỉ cư trú: Khu P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh khi thực hiện dự án Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1) thì UBND phường P ban hành Công văn số 116/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của tôi.

Ngày 15/5/2025, gia đình tôi nhận được Thông báo số 96/TB-UBND ngày 15/5/2025 của UBND phường P và kế hoạch số 70/KH-UBND của UBND phường P về việc bảo vệ thi công dự án; Ngày 01/6/2025 tôi mới tiến hành phá dỡ nhà và thực hiện kiểm kê phần móng nhà. Sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất có cử người xuống để kiểm đếm phần móng và làm phương án bổ sung.

Ngày 16/6/2025 cán bộ quỹ đất đã cầm tiền và Quyết định bổ sung đối với vật kiến trúc đến cho gia đình tôi, nhưng trên Quyết định bổ sung lại ghi ngày 05/7/2024 với đơn giá áp dụng trật xỉ là 225.000đ/m³ thấp hơn nhiều với đơn giá trật xỉ là 1.054.112đ/m³ được quy định tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q. Và trong phương án bổ sung không tính đến công đào móng, thuê xe chở phần đất đào móng đi cũng như phần đất đổ nền trong móng.

Ngày 27/6/2025 tôi có đơn đề nghị UBND phường U đề nghị được xem xét giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thu hồi đất; Ngày 07/6/2025 tôi đã có đơn đề nghị gửi UBND phường Y nêu một số vướng mắc trong việc giải phóng mặt bằng cũng như ý kiến về công văn số 116/UBND của UBND phường P. Nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Lý do không đồng ý với quyết định hành chính.

1. Quyết định hành chính không tuân thủ trình tự, thủ tục luật định.

- Việc xây dựng đơn giá cụ thể để bồi thường khi thu hồi đất theo bảng giá đất của UBND tỉnh Q làm cho giá đất bồi thường thấp gây thiệt hại cho hộ dân có đất bị thu hồi.

- Quyết định thu hồi đất chỉ căn cứ vào biên bản xét duyệt trái thẩm quyền của UBND phường P để xác định loại đất để bồi thường.

- Trong dự thảo phương án bồi thường được niêm yết lấy ý kiến và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có nội dung về tái định cư, phương án để các hộ dân ổn định cuộc sống sau thu hồi đất, vi phạm Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP; Điều 69 Luật Đất đai 2013.

- Việc kiểm đếm không đúng theo thực tế hiện trạng sử dụng đất.

- Quá trình thu hồi đất không đảm bảo về chỗ ở cho hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi mà mất đi chỗ ở.

2. Nội dung Quyết định hành chính xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi.

2.1. Tôi không đồng ý với việc UBND thành phố U xác định loại đất đối với diện tích 6.254,8m² là đất trồng cây lâu năm khai hoang; 86,4m² là đất hành lang giao thông.

Theo Quyết định thu hồi đất thì tổng diện tích bị thu hồi là 11.227,0m² trong đó có 4.885,8m² đất trồng cây hàng năm giao theo Nghị định 64/CP; 6.254,8m² là đất trồng cây lâu năm khai hoang; 86,4m² là đất hành lang giao thông.

Tại Biên bản xét duyệt nguồn gốc đất UBND phường P xác định có 6.254,8m² là đất trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004.

Cũng tại Biên bản này lại xác nhận có nhà hiên tây máng thượng diện tích 35m², nhà cấp 4 mái fibro XM diện tích 19m²; nhà xây gạch chỉ mái ngói 19,47m² có nhà vệ sinh độc lập 1,8m²; bờ bao, sân gạch, khối lượng (từ danh mục 76 đến 116 tại biên bản kiểm đếm) được xác nhận “xây dựng trước ngày 01/7/2004”.

Tại Công văn số 116/UBND ngày 13/3/2025 UBND phường P xác nhận thửa bị thu hồi là thửa đất bố mẹ chồng tôi khai hoang, xây dựng nhà ở, chuồng trại; đắp bờ nuôi trồng thủy sản từ những năm 1986.

Bên cạnh đó tôi đã kết hôn, sinh ra các con tôi trên mảnh đất này, có đăng ký hộ khẩu thường trú và ăn ở ổn định từ những năm 1994 đến nay.

Việc UBND thành phố U không căn cứ vào quá trình sử dụng đất, không áp dụng Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để xác định loại đất khi thu hồi đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Cụ thể gia đình tôi không được bồi thường diện tích đủ điều kiện công nhận là đất ở; nhà ở và các công trình phục vụ cho việc ăn ở không được bồi thường với tỉ lệ 100%; không được xem xét cấp tái định cư khi nhà nước thu hồi hết đất ở, nhà ở.

2.2. Xác định diện tích đất để bồi thường

Gia đình tôi hiện tại đang sử dụng đất với nhiều mục đích; để ở, để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm, trong quá trình sử dụng chúng tôi không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; gia đình chúng tôi thuộc đối tượng quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

“Điều 13. Bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”.

Trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng, tôi đã nhiều lần yêu cầu **UBND thành phố U**, **UBND phường P** cung cấp căn cứ, nêu rõ trình tự, thủ tục đã thực hiện để xác định mục đích sử dụng đất của gia đình tôi là đất trồng cây lâu năm theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nhưng cả 2 cấp chính quyền đều không đưa ra tài liệu để xác định loại đất mà chỉ căn cứ vào biên bản xét duyệt nguồn gốc đất của **UBND phường P**.

Điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định:

“2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Khoản 2 Điều 143 và Khoản 4 Điều 144 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức giao đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.

Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức giao đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó;”

Việc **UBND thành phố U** xác định toàn bộ diện tích 6.254,8m² là đất khai hoang trồng cây lâu năm mà không phải là gia đình sử dụng vào mục đích để ở là thiếu căn cứ và trái với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2.3. **UBND thành phố U** xác định 86,4m² đất công trình giao thông, lạch nước do nhà nước quản lý, không đủ điều kiện đền bù, hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật, trái với quy định tại Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Gia đình tôi đã sử dụng đất, khai hoang diện tích đất trên từ những năm 1988. Tại thời điểm sử dụng chúng tôi hoàn toàn không có hành vi chiếm đất, lấn đất của bất kỳ công trình giao thông, lạch nước do nhà nước quản lý.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, cơ quan chức năng không cung cấp được tài liệu chứng minh diện tích đó thuộc đất công trình giao thông, lạch nước do Nhà nước quản lý.

2.4. Đối với việc **UBND thành phố U** xác định khối lượng bờ đắp, bờ xây, bờ kè, lán bê tông đáy, cống thoát nước, hệ thống chuồng trại, bờ bao phục vụ việc sản xuất nông nghiệp là các công trình vi phạm theo Điều 92 Luật đất đai năm 2013 (là đối tượng để áp dụng Điều 25 Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND của **UBND tỉnh Q**) là chưa chính xác. Vi phạm khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT, được

sửa đổi bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT; Khoản 1 Điều 88 Luật đất đai quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất.

Bởi lẽ UBND thành phố U không thể nói việc đắp bờ để nuôi cá trên đất nuôi trồng thủy sản là vi phạm pháp luật, không thể nói việc xây dựng bờ ao nuôi tôm trên đất nuôi trồng thủy sản là vi phạm pháp luật. Không thể nói việc xây dựng công trình trên đất nông nghiệp nhằm mục đích áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại theo khuyến khích của Đảng và Nhà nước là vi phạm pháp luật. Hơn thế nữa,, cho dù gia đình tôi có xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên đất trồng cây hàng năm cũng không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT, được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT quy định về các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động như sau:

1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động, bao gồm:

a) Chuyển đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác gồm: đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các lợi động vật khác được pháp luật cho phép; nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu, thí nghiệm.

Tôi khẳng định việc gia đình tôi đắp bờ đất, xây bờ nuôi tôm, kè ao, xây dựng chuồng trại phát triển kinh tế nông nghiệp hoàn toàn không vi phạm pháp luật đất đai, nên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 92 Luật Đất đai, nên không thể áp dụng Điều 25 Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND.

Căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất:

“1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường”.

2.5. UBND thành phố U không xem xét bồi thường vật lập trên diện tích đất gia đình đã vật lập để trồng cây lâu năm

Gia đình tôi đã sử dụng đất, xây dựng nhà ở trên đất ổn định từ năm 1988 đến nay, không vi phạm luật đất đai, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, quá trình sử dụng hiện trạng đất hoang hóa, sâu trũng nên gia đình đã cải tạo, đào ao lấy đất vật lên làm vườn trong thời gian dài tới 30 năm mới có hiện trạng mặt bằng như tại thời điểm thu hồi đất.

2.6. Giá trị pháp lý của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015

2.6.1. Hồ sơ vụ việc không chứng minh được hành vi vi phạm hành chính

Biên bản xử lý VPHC số 09/BB-TTXD được Đội Thanh tra xây dựng và quản lý đo thị lập vào 10 giờ 30 phút ngày 28/01/2015 không kèm theo bất kỳ tài liệu, chứng cứ pháp lý nào để chứng minh thửa đất mà gia đình tôi đang xây dựng là đất không được phép xây dựng. Để xác định “xây nhà trên đất không được phép xây dựng”, cơ quan lập biên bản phải có tài liệu pháp lý chứng minh loại đất, cụ thể cần có các một trong các tài liệu sau:

1. Trích lục bản đồ địa chính hoặc sổ mục kê xác định loại đất hiện trạng;
2. Thông tin từ cơ quan quản lý đất đai chứng minh việc công trình xây dựng nằm trên đất không phải là đất ở;

3. Kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ đất đai lưu tại UBND cấp xã, huyện.

Từ việc không cung cấp được căn cứ chứng minh việc vi phạm của gia đình tôi, có thể thấy biên bản vi phạm hành chính mà đội Thanh tra xây dựng lập là thiếu căn cứ, vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính :đ) Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính”.

2.6.2 Biên bản vi phạm hành chính sai mẫu theo quy định

Biên bản xử lý vi phạm hành chính do **Đội Thanh tra xây dựng thành phố U** ban hành sai mẫu theo quy định tại Thông tư số 02 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định 121 năm 2014 như sau:

“Điều 2. Về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng vi phạm.

1. Việc áp dụng quy định tại Khoản 10 Điều 13 ... theo trình tự như sau:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP có trách nhiệm lập biên bản như sau: hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì lập biên bản theo Mẫu biên bản số 01, hành vi phạm hành chính đã kết thúc thì lập biên bản theo Mẫu biên bản số 02 ban hành kèm theo Thông tư này”.

Trường hợp của gia đình tôi, cơ quan chức năng phải lập biên bản theo Mẫu biên bản 01 kèm theo Thông tư 02/2014, dẫn tới việc biên bản thiếu một số nội dung như: Đại diện chính quyền phường, xã; người chứng kiến; không có ngày giờ bắt đầu và kết thúc biên bản, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính khách quan của vụ việc. Biên bản không có phần ghi quyền yêu cầu giải trình dẫn tới việc tôi mất đi quyền giải trình đối với hành vi nêu trên.

2.6.3. Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với gia đình tôi là trái luật.

Trong biên bản xử lý vi phạm hành chính và quyết định xử lý vi phạm hành chính, **UBND thành phố U** đều căn cứ vào khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP để ra quyết định xử phạt vi phạm nhưng chưa cung cấp căn cứ xác định phần đất có công trình vi phạm có phải là đất ở hay không. Việc xác định sai hành vi vi phạm có ảnh hưởng tới việc xác định gia đình tôi có đủ điều kiện được cấp phép xây dựng hay không, bởi theo khoản 10 Điều 13 Nghị định 121 quy định:

“10. Hành vi quy định tại khoản 3, khoản 5 khoản 6 và khoản 7 Điều này mà không thuộc trường hợp xử lý theo quy định tại khoản 9 Điều này thì bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP”

Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP quy định về xử lý công trình không có phép xây dựng:

“2. Đối với những công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng nhưng đủ điều kiện được cấp phép xây dựng theo quy định thì xử lý như sau:

a) Những công trình xây dựng phải bị lập biên bản ngừng thi công xây dựng, yêu cầu chủ đầu tư làm thủ tục xin cấp phép xây dựng gồm: công trình xây dựng phù hợp với vị trí quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công trình xây dựng

trên đất ở có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, phù hợp với quy hoạch xây dựng; xây dựng mới trên nền nhà cũ hoặc cải tạo nhà đang ở phù hợp với quy hoạch xây dựng; công trình xây dựng trên đất có đủ điều kiện về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Việc chỉ áp dụng duy nhất khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP mà không căn cứ vào các điều khoản hướng dẫn thi hành theo các trường hợp cụ thể của UBND thành phố U là trái quy định của pháp luật.

2.7 Gia đình tôi có 5 nhân khẩu nhưng trong phương án tại phần hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất trên 70% chỉ được tính 02 nhân khẩu.

Do đó, bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

(1) Hủy một phần Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1);

(2) Hủy Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 02/3/2022; Quyết định số 4032/QĐ-UBND; Quyết định số 3653/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1) của UBND thành phố U.

(3) Hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015 của UBND thành phố U.

(4) Buộc Chủ tịch UBND phường Y bồi thường thiệt hại bao gồm chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết, tham gia tố tụng đối với vụ việc thu hồi đất.

Ngày 11/12/2025 bà Lê Thị S khởi kiện bổ sung, yêu cầu (5) buộc Chủ tịch UBND phường Y miễn tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi số tiền 629.100.000 đồng (Sáu trăm hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

** Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường Y có quan điểm:*

Dự án Đường ven sông kết nối từ đường C - Hải Phòng, đoạn từ đường T đến thị xã Đ (giai đoạn 1) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013, đã được HĐND tỉnh Q thông qua và UBND tỉnh Q chấp thuận, trên cơ sở đó, UBND thành phố U tổ chức thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng.

Việc thu hồi đất để GPMB đối với gia đình bà Lê Thị S tại khu P, phường Y được ban hành Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai”; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T6 Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc ban hành

quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Từ các căn cứ trên, xác định việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ GPMB của hộ gia đình bà **Lê Thị S** tại **khu P, phường Y** là đúng về thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất để thực hiện dự án:

Dự án Đường ven sông kết nối từ **đường C - Hải Phòng đến thị xã Đ**, đoạn từ đường tỉnh 338 đến **thị xã Đ** (Giai đoạn 1) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013, đã được **HĐND tỉnh Q** thông qua và **UBND tỉnh Q** phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2021, **UBND thành phố U** ban hành Thông báo số 618/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án; Trung tâm Phát triển quỹ đất **thành phố U** đã phối hợp với UBND, **UBMTTQ phường P** và đại diện các khu dân cư (nơi có đất thu hồi) thực hiện các trình tự, thủ tục về bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất, GPMB theo quy định.

Hộ gia đình bà **Lê Thị S** đã phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB trong việc kiểm đếm đất đai, tài sản trong khu vực thực hiện dự án khi đã có Thông báo thu hồi đất của **UBND thành phố U**.

Để có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích 11.227,0m² đất của hộ gia đình bà **Lê Thị S**, **UBND phường P** (nay là **phường Y**) đã tiến hành họp và xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tài sản trên đất đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ gia đình.

Trong đó:

Thửa đất số 11, Tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa đất số 85, 45, tờ bản đồ địa chính số 111, 112). Tổng diện tích: 9.937,92m² (Diện tích đất bị thu hồi để GPMB: 9.826,4m²; Diện tích đất còn lại: 111,5m²).

- Loại đất GPMB: Đất trồng cây lâu năm; Đất trồng cây hàng năm giao thầu; Đất do **UBND phường P** quản lý.

- Nguồn gốc quá trình sử dụng đất GPMB: Trong tổng số 9.826,4 m².

+ Có 3.380,0 m² đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật Đất đai năm 2013. Được dồn điền đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của **Đảng ủy xã P** (nay là **phường Y**).

+ Có 6.254,8 m² đất trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận, đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, diện tích được bồi thường nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai 2013.

+ Có 105,2 m² tại thửa 85 tờ 111 là đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định Số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật Đất đai năm 2013 được dồn điền đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của **Đảng ủy xã P** (nay là **phường Y**) (Mua lại của hộ ông, bà: **Đinh Văn T - Vũ Thị T1**, có giấy tờ mua bán viết tay).

+ Có 86,4 m² đất hành lang đường giao thông do nhà nước quản lý không đủ điều kiện đền bù, hỗ trợ.

- Thời điểm xây dựng công trình:

+ Nhà mái bằng tường xây gạch chỉ D220 có diện tích 94,08m² (từ mục 01 đến mục 31 trong BB kiểm đếm) đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm ngày 29/9/2014; bị UBND phường P ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình.

+ Nhà hiên tây máng thượng có diện tích 35m² (mục 76 trong BB kiểm đếm); xây bậc tam cấp gạch xi có khối lượng 0,432m³ (mục 86-trong BB kiểm đếm); lát bậc tam cấp gạch 30 x 30 có diện tích 2,16m² (mục 87, trong BB kiểm đếm); mi cửa (mục 88 trong BB kiểm đếm); nhà cấp 4 tường xây gạch chỉ 110, mái fibroXiMăng có diện tích 19,2m² (mục 89 trong BB kiểm đếm); nhà cấp 4 tường xây gạch xi mái ngói 22v/m² có diện tích 19,47m² (mục 104 trong BB kiểm đếm); bể nước ăn tường xây gạch xi có khối tích 12,012m³ (mục 101 trong BB kiểm đếm); mái fibro XM có diện tích 12,65m² (mục 102 trong BB kiểm đếm); lán sân có diện tích 12,65m² + 54m² + 24,48m² (mục 103+110 trong BB kiểm đếm); bờ bao sân gạch xi có khối lượng 1,485m³ (Mục 111 trong BB kiểm đếm); trát bờ bao diện tích 16,5m² (mục 112 trong BB kiểm đếm); nhà Vệ sinh độc lập có diện tích 1,8m² (mục 116 trong BB kiểm đếm) xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường đất, không bị lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

Các công trình chuồng trại; bờ ao; tường rào bao quanh nhà xây gạch xi;

+ Lán nền còn lại xây dựng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 trên đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường về đất, không bị lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

+ Các công trình còn lại xây dựng từ sau ngày 01/7/2014 không bị lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

Thửa đất số 18, Tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 111). Tổng diện tích: 906,7m² (Diện tích đất bị thu hồi để GPMB: 441,1m²; Diện tích đất còn lại: 465,6m²).

Loại đất GPMB: Đất trồng cây hàng năm

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất GPMB: Trong tổng số 441,1 m²

+ Có 441,1 m² đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật Đất đai năm 2013. Được dồn điền đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P (nay là phường Y) (Mua lại của hộ bà Nguyễn Thị T2, có giấy tờ mua bán viết tay).

Thửa đất số 12, Tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa đất số 85 tờ bản đồ địa chính số 111). Tổng diện tích: 1.091,0m² (Diện tích đất bị thu hồi để GPMB: 959,5m²; Diện tích đất còn lại: 131,5m²).

Loại đất GPMB: Đất trồng cây hàng năm;

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất GPMB: Trong tổng số 959,5 m².

+ Có 959,5m² là đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao

đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật Đất đai năm 2013. Được dồn điền đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P (nay là phường Y) (Mua lại của hộ ông, bà: Đinh Văn T - Vi Thị T3, có giấy tờ mua bán viết tay).

Nhân khẩu: Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có 05 nhân khẩu.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường P (nay là phường Y) Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Lê Thị S và niêm yết công khai theo quy định.

Ngày 02/3/2021, UBND thành phố U ban hành Quyết định số 1202/QĐ-UBND về việc thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ đường C - Hải Phòng, đoạn từ đường T đến thị xã Đ (giai đoạn 1), trong đó thu hồi 11.227,0m² có 4.885,8m² đất trồng cây lâu năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ; có 6.524,8m² đất trồng cây lâu năm khai hoang và 86,4m² đất do UBND phường quản lý (thuộc thửa đất số 11, 12, 18, tờ bản đồ số 14) đồng thời ban hành Quyết định số 1203/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ đường C - Hải Phòng, đoạn từ đường T đến thị xã Đ (giai đoạn 1), (phạm vi địa phận thành phố U), trong đó: tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Lê Thị S là: 3.112.715.666 đồng, gồm: Đất đai: 671.362.600 đồng; Vật kiến trúc: 569.085.066 đồng; Cây cối - hoa màu: 364.956.700 đồng; Các khoản hỗ trợ: 1.507.311.000 đồng;

UBND thành phố U tiếp tục phê duyệt Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung), tổng số tiền là: 403.906.000 đồng; Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung), tổng số tiền là: 30.592.800 đồng và Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 30/7/2024; Quyết định số 4026/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (bổ sung), tổng số tiền là: 49.334.625 đồng;

Hộ gia đình bà Lê Thị S đã được nhà nước bố trí 01 ô đất tái định cư tại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 15/01/2024; Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND thành phố U Về việc phê duyệt kết quả bốc thăm xác định vị trí đất ở tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Tuyến đường Y kéo dài đoạn từ Quốc lộ A đến Quốc lộ A và đường 10 làn xe thành phố U.

Các Quyết định trên của UBND thành phố U đảm bảo đúng quy định của pháp luật và được gửi trực tiếp cho gia đình bà Lê Thị S, đồng thời được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường P (nay là phường Y) và Nhà văn hóa khu dân cư khu P2.

Ngày 26/6/2024 bà Lê Thị S đã đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất để thực hiện dự án.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/1/2015 của UBND thành phố U:

Ngày 29/9/2014 UBND phường P (nay là phường Y) đã lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình của bà Lê Thị S - ông Lê Văn H1, khu P, phường P đồng thời ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị và ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà **Lê Thị S** khu **P**, phường **P** đối với hành vi vi phạm hành chính: bà **Lê Thị S** tự ý san gạt mặt bằng và xây dựng nhà ở trái phép trên diện tích đất nông nghiệp tại **V** Kiệu II thuộc **khu P, phường P** (cạnh đường ra **cảng B**). Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2004/NĐ-CP và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

Như vậy, việc tự ý xây dựng nhà trái phép trên diện tích đất nông nghiệp của bà **Lê Thị S** bị xử lý theo quy định là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng.

- Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch **UBND phường Y** miễn tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi số tiền: 629.100.000đ (Sáu trăm hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng):

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, trường hợp hộ gia đình bà **Lê Thị S** không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất vì vậy không đủ điều kiện được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất theo quy định. Do đó việc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được bố trí tái định cư của hộ gia đình bà **Lê Thị S** tại **khu P, phường Y** là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch **UBND phường Y** bồi thường thiệt hại bao gồm chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết, tham gia tố tụng đối với vụ việc thu hồi đất: Dự án Đường ven sông kết nối từ **đường C - Hải Phòng, đoạn từ đường T đến thị xã Đ** (giai đoạn 1) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013, đã được **HĐND tỉnh Q** thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/7/2021.

UBND thành phố U đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với gia đình bà **Lê Thị S** là đúng quy định của pháp luật. Do đó bà **Lê Thị S** yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà **Lê Thị S**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị S** về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015 của **UBND thành phố U**.

2. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị S**.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2026, người khởi kiện bà **Lê Thị S** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị cấp hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký cũng như những người tham gia tổ tụng cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện là bà **Lê Thị S** đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh là trong thời hạn và hợp lệ, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] *Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.*

[3] Ngày 13/10/2025 bà **Lê Thị S** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 02/3/2022; Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 30/7/2024; Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của **UBND thành phố U** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ **cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ**, đoạn từ đường tỉnh 338 đến **thị xã Đ** (giai đoạn 1);

Xét thấy đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại các khoản 5, 6 Điều 22 Luật Đất đai 2013 (nay là các khoản 7, 10 Điều 20 Luật Đất đai năm 2024) và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đôi thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Căn cứ Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng

Ninh thụ lý và đưa ra xét xử là đúng thẩm quyền.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015 của UBND thành phố U, thấy rằng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC. Tuy nhiên đây là quyết định hành chính có liên quan, nên cần được xem xét, đánh giá tính hợp pháp trong cùng vụ án.

[5] Đối với các Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 và Quyết định số 4026/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND thành phố U về việc phê duyệt (bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Lê Thị S; Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc phê duyệt kết quả xét duyệt giao đất ở có thu tiền sử dụng đất dự án đường ven sông; Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 về việc giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 04/02/2025 của UBND thành phố U về việc bổ sung tên tại Quyết định số 6430/QĐ-UBND; Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Chủ tịch UBND phường P xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị S do có hành vi sử dụng đất sai mục đích, xây dựng nhà trái phép trên diện tích đất nông nghiệp tại đầm Vành Kiệu II thuộc Khu P, phường P (cạnh đường ra cảng B) và Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của Chủ tịch UBND phường P về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với công trình xây dựng tại đường ra cảng Bạch Thái Bưởi Vành K thuộc Khu P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh do hộ gia đình bà Lê Thị S làm chủ đầu tư xây dựng công trình mặc dù không bị khởi kiện nhưng là quyết định hành chính có liên quan nên cũng được xem xét trong cùng vụ án.

[6] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[6.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

Bà Lê Thị S có chồng là Đinh Văn H (sinh năm 1973, chết ngày 06/11/2013) tại phiên tòa, bà S khai bà kết hôn ông H từ năm 1994, nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn. Thửa đất gia đình bà Lê Thị S quản lý, sử dụng tại khu vực cánh đồng V, phường P, thành phố U, nay thuộc phường Y, tỉnh Quảng Ninh, có nguồn gốc là di sản thừa kế của bố mẹ ông Đinh Văn H là ông Đinh Văn T4 - sinh năm 1933, chết ngày 23/12/2000 và bà Phạm Thị D (R) - sinh năm 1922, chết ngày 18/12/1991.

Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 28/02/2022, có chứng thực của UBND phường P, nội dung: Di sản thừa kế của ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R) và ông Đinh Văn H để lại trong phần tài sản chung theo Biên bản xét duyệt nguồn gốc đất ngày 28/02/2022 có diện tích 9.634m², vị trí thửa đất số 11, tờ bản đồ GPMB số 14, địa chỉ tại cánh đồng khu vực V, phường P, thành phố U (tương ứng thửa đất số 85, 45 tờ bản đồ địa chính số 111, 112) dự án Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ - giai đoạn 1. Sổ giao đất số 81 do UBND thị xã U cấp. Những người thừa kế nhất trí nhận thừa kế và tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho bà Lê Thị S; bà Đinh Khánh V - sinh năm 2010 do đó bà S đại diện nhận di sản theo quy định.

Căn cứ Tờ bản đồ địa chính xã P số 111,112; bản đồ GPMB; Sổ giao đất hộ ông Đinh Văn T4; Sổ mục kê đất đai phường P; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; Sơ đồ thửa đất GPMB; Biên bản xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường P lập ngày 28/02/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, thửa đất hộ bà Lê Thị S bị thu hồi có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

Thửa đất GPMB:

* Thửa số 11, tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa số 85, 45 tờ bản đồ địa chính số 111, 112).

Tổng diện tích hiện trạng: 9.937,9m²; Diện tích bị thu hồi: 9.826,4m²; diện tích còn lại: 111,5m². Loại đất GPMB: Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất giao trâu; đất do UBND phường P quản lý.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất GPMB trong tổng số 9.826,4m²:

+ 3.380,0m² đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật đất đai năm 2013, được dồn điền, đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P.

+ 6.254,8m² đất trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004, mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích bị thu hồi nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật đất đai năm 2013.

+ 105,2m² tại thửa 85, tờ bản đồ 111 là đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật đất đai năm 2013, được dồn điền, đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P (mua lại của hộ ông, bà Đinh Văn T – Vũ Thị T1, có giấy tờ viết tay).

+ 86,4m² đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện đền bù, hỗ trợ.

- Thời điểm xây dựng công trình:

+ Nhà mái bằng tường xây gạch chỉ D220 có diện tích 94,08m² đã bị lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm ngày 29/9/2014; bị UBND phường P xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và bị đình chỉ thi công xây dựng công trình tại Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 29/9/2014.

+ Nhà hiên tây máng thượng diện tích 35m² và một số công trình phụ trợ), xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất nông nghiệp, không bị lập biên bản kiểm tra; biên bản vi phạm hành chính.

+ Các công trình chuồng trại, bờ ao, tường rào bao quanh nhà xây gạch xi, lán nền còn lại xây dựng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 trên đất nông nghiệp, không bị lập biên bản kiểm tra; biên bản vi phạm hành chính.

+ Các công trình còn lại xây dựng sau ngày 01/7/2014, không bị lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

+ Thời điểm đắp bờ ao: trước ngày 01/7/2004, không bị lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

* Thửa số 18, tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa số 84 tờ bản đồ địa chính số 111).

Tổng diện tích hiện trạng: 906,7m²; Diện tích bị thu hồi để GPMB: 441,1m²; diện tích còn lại: 456,6m². Loại đất GPMB: Đất trồng cây hàng năm. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất GPMB diện tích 441,1m²:

+ 441,1m² đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật đất đai năm 2013, được dồn điền, đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P (mua lại của hộ bà Nguyễn Thị T2, có giấy tờ viết tay).

* Thửa số 12, tờ bản đồ GPMB số 14 (tương ứng với thửa số 84 tờ bản đồ địa chính số 111).

Tổng diện tích hiện trạng: 1.091,0m²; Diện tích bị thu hồi để GPMB: 959,5m²; diện tích còn lại: 131,5m². Loại đất GPMB: Đất trồng cây hàng năm. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất GPMB diện tích 959,5m²:

+ 959,5m² đất trồng cây hàng năm được giao theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, sử dụng ổn định, nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Điều 129 Luật đất đai năm 2013, được dồn điền, đổi thửa theo Nghị quyết số 07/BC-ĐU ngày 17/9/2003 của Đảng ủy xã P (mua lại của hộ ông, bà Đinh Văn T – Vũ Thị T1, có giấy tờ viết tay).

Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có 05 nhân khẩu, gồm Lê Thị S (trực tiếp SXNN; Đinh Khánh V1 sinh năm 2010 là học sinh. Tách hộ cùng chung thửa đất: Đinh Duy M (trực tiếp SXNN); Nguyễn Thị Bích P (công nhân); Đinh Gia P1 còn nhỏ.

Tỉ lệ thu hồi đất: trên 70%.

[6.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc không đồng ý với việc UBND thành phố U xác định loại đất đối với diện tích 6.254,8m² là đất trồng cây lâu năm khai hoang và diện tích 86,4m² là đất hành lang giao thông:

- Đối với diện tích 6.254,8m²:

Năm 1963 ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R) di cư từ thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đến khu vực thôn H, xã P, thị xã U (khu H, phường P, thành phố U, nay là phường Y), tỉnh Quảng Ninh sinh sống.

Căn cứ bản đồ giải thửa đo năm 1990 thể hiện ông Đinh Văn T4 sử dụng thửa đất số 320, tờ bản đồ giải thửa số 13, (tương ứng thửa đất số 190, tờ bản đồ địa chính số 51) diện tích 1.125,0m² (trong đó: đất ở: 200m², đất vườn: 925m²). Năm 2010 sau khi ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R1) chết, gia đình đã thực hiện phân chia di sản thừa kế đồng thời tặng cho ông Đinh Văn H, bà Lê Thị S một phần diện tích đất và được UBND thị xã U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 140040, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00038 ngày 11/6/2010, diện tích được cấp 519,2m² (trong đó có: 100m² đất ở và 419,2m² đất trồng cây lâu năm) người sử dụng đất: ông Đinh Văn H, bà Lê Thị S, địa chỉ thửa đất số 190a, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: tại khu H, phường P, thành phố U.

Năm 2021, bà Lê Thị S chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nói trên cho ông Đinh Văn V2, bà Nguyễn Thị T5 (ông Đinh Văn V2, bà Nguyễn Thị T5 là anh chồng và chị dâu của bà Lê Thị S). Ông Đinh Văn V2 được UBND thành phố U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 935608 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00508 ngày 05/10/2021.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất khai hoang tại V Kiệu 1:

Năm 1986 ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R) đến khu vực Vành Kiệu I, thuộc Thôn H, xã P, thị xã U (nay là khu H, phường P, thành phố U) khai hoang cây lúa và trồng cây, đào ao nuôi trồng thủy sản, xây dựng chuồng trại chăn nuôi, xây dựng nhà cấp 4 để trông coi. Theo bản đồ địa chính đo năm 2004 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt năm 2008 xác định hiện trạng nhà: 33,09m² (chiều rộng: 4,81m, chiều dài: 6,88m).

Năm 1994 ông Đinh Văn H kết hôn bà Lê Thị S, ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R) đã bàn giao toàn bộ diện tích đất đã khai hoang khu vực ngoài Vành Kiệu II cho vợ chồng ông H, bà S trong đó có diện tích đất nông nghiệp được giao theo nghị định 64/CP của Chính phủ và diện tích gia đình khai hoang. Ông H, bà S sử dụng ổn định từ đó đến thời điểm nhà nước thu hồi đất.

Hộ gia đình ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (R) thuộc diện di dân khai hoang, đã được nhà nước công nhận và cấp GCNQSD đất diện tích 1.125,0m² (trong đó: đất ở: 200m², đất vườn: 925m²) tại khu H, phường P, thành phố U; Đối với thửa đất hộ ông Đinh Văn T4, bà Phạm Thị D (Ry) khai hoang tại khu V II để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trồng cây, cấy lúa, đào ao nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nên không được xác định là đất ở; đến năm 1994 ông T4 bà D (R) mới cho vợ chồng con trai là ông Đinh Văn H - bà Lê Thị S để quản lý, sử dụng.

Tại Bản đồ giải thửa đất nông nghiệp năm 1992, hiện trạng là đất nông nghiệp; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 thể hiện loại đất: 01 vụ; 02 vụ; Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố U, vị trí đất của gia đình bà Lê Thị S thể hiện hiện trạng đất cấy lúa, quy hoạch khu công nghiệp P;

- Đối với diện tích 86,4m²: Căn cứ Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất lập ngày 01/10/2021; Biên bản xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất, Sơ đồ thửa đất giải phóng mặt bằng thể hiện: diện tích 86,4m² thuộc đất hành lang giao thông do UBND phường quản lý.

Căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ Điều 3; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 1202/QĐ-UBND và Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND thành phố U về việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 6.254,8m² đất trồng cây lâu năm khai hoang và 86,4m² đất do UBND phường P quản lý (thuộc các thửa 11, 12 và 18, tờ bản đồ GPMB số 14) trong tổng số diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án Đường ven sông kết nối từ cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đ (giai đoạn 1) là có căn cứ.

[6.3] Đối với ý kiến của Bà Lê Thị S về việc UBND thành phố U xác định khối lượng bờ đắp, bờ xây, bờ kè, láng bê tông đáy, cống thoát nước, hệ thống chuồng trại,

bờ bao phục vụ việc sản xuất nông nghiệp là các công trình vi phạm theo Điều 92 Luật đất đai năm 2013 là chưa chính xác, thấy rằng:

Căn cứ Biên bản kiểm đếm tài sản trên đất; Biên bản xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất do UBND phường P lập ngày 28/02/2022 về xác định thời điểm xây dựng các công trình trên đất; Biên bản kiểm đếm bổ sung khối lượng sau thời gian niêm yết ngày 12/3/2022; Văn bản số 327/UBND ngày 16/7/2024 của UBND phường P xác minh bổ sung thời điểm xây dựng công trình trên đất và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng các Quyết định số 1203/QĐ-UBND; Quyết định số 4080/QĐ-UBND; Quyết định số 3653/QĐ-UBND; Quyết định số 4026/QĐ-UBND Quyết định số 4032/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, thấy rằng các phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất đai, vật kiến trúc, cây hoa màu và hỗ trợ được phê duyệt tại các quyết định phê duyệt phương án bồi thường nêu trên là đúng với nguồn gốc đất đai và thời điểm hình thành tài sản trên đất; đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

[6.4] Đối với chính sách tái định cư:

Hộ bà Lê Thị S không thuộc đối tượng được tái định cư do không bị thu hồi đất ở, phần diện tích đất bị thu hồi chỉ được xác định là đất nông nghiệp. Căn cứ khoản 7 Điều 18 Quyết định 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q của Quy định về bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh quy định: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, nếu không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội hoặc được giao 01 ô đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Ngày 13/6/2022, UBND thành phố U ban hành Quyết định số 4164/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả xét duyệt (đợt 3) giao đất ở có thu tiền sử dụng đất dự án đường ven sông, bà Lê Thị S là một trong số 10 hộ dân trong danh sách được phê duyệt giao 01 ô đất có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 27/6/2024, UBND thành phố U ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Lê Thị S, theo đó bà S được giao ô số 10 lô LK-03 khu tái định cư dự án đường ven sông, giá đất 6.990.000đ/m²; tiền sử dụng đất phải nộp là 629.100.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Biên bản phân chia di sản lập ngày 28/02/2022, UBND thành phố U đã ban hành Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 04/02/2025 về việc bổ sung tên tại Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 bổ sung như sau: Giao cho bà Lê Thị S và bà Đinh Khánh V1.

Xét thấy hộ bà Lê Thị S không thuộc diện được miễn tiền sử dụng đất. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu buộc Chủ tịch UBND phường Y miễn tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, số tiền 629.100.000đ là không có căn cứ.

[6.5] Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND phường Y bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết, tham gia tố tụng đối với vụ việc thu hồi đất:

Thấy rằng các Quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà **Lê Thị S** là đúng quy định. Do đó bà **Lê Thị S** yêu cầu bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết, tham gia tố tụng đối với vụ việc thu hồi đất là không có căn cứ.

Xét thấy các yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy tại cấp phúc thẩm không có các tình tiết mới phát sinh, nên không có cơ sở để xem xét đối với kháng cáo của người khởi kiện. Do đó cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà **Lê Thị S** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị S**, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

2. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị S** về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 561/QĐ-XPVPHC ngày 28/01/2015 của **UBND thành phố U**.

- Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà **Lê Thị S** về các nội dung:

+ Hủy một phần Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc thu hồi đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ **cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ**, đoạn từ đường tỉnh 338 đến **thị xã Đ** (giai đoạn 1);

+ Hủy Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 02/3/2022; Quyết định số 4032/QĐ-UBND; Quyết định số 3653/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đường ven sông kết nối từ **cao tốc H - Hải Phòng đến thị xã Đ**, đoạn từ đường tỉnh 338 đến **thị xã Đ** (giai đoạn 1) của **UBND thành phố U**.

+ Buộc Chủ tịch **UBND phường Y** bồi thường thiệt hại bao gồm chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết, tham gia tố tụng đối với vụ việc thu hồi đất.

+ Buộc Chủ tịch **UBND phường Y** miễn tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ

ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi số tiền 629.100.000 đồng (Sáu trăm hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: bà **Lê Thị S** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001845 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang

Phạm Duy Hải

Nguyễn Bình Vân

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- TAND khu vực 2 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Vân

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang

Phạm Duy Hải

Nguyễn Bình Vân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đạt

Phạm Duy Hải

Nguyễn Bình Vân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA